

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 208 /2020/DS-PT

Ngày 24-7-2020

V/v tranh chấp ranh giới
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Bùi Văn Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21, 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2020/TLPT-DS, ngày 17/02/2020, về việc “*Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2019/QĐ-PT, ngày 18 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2020/QĐ-PT ngày 09/6/2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1. Bùi Xuân L, sinh năm 1947;

2. Tạ Thị Kim D, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Số ..., ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

*** Bị đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1936;

Địa chỉ: Số ..., ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà B: Anh Đào Thanh N, sinh năm 1992.

Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 09/3/2020;

Địa chỉ: Ấp Tân L, xã Tân T, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B: Bà Lê Hồng D- Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp.

2. Phạm Phú Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số ..., ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bùi Công L, sinh năm 1987;

2. Tạ Thị Đ, sinh năm 1929;

Cùng địa chỉ: Số, ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bùi Thị Xuân L, sinh năm 1978;

4. Bùi Tạ Xuân L, sinh năm 1981;

5. Đỗ Bùi Ngọc Như Y, sinh năm 2005;

Người đại diện theo pháp luật của Đỗ Bùi Ngọc Như Y là: Bùi Tạ Xuân L, sinh năm 1981 (mẹ của cháu Y;

6. Bùi Tạ Kiều D, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Số ..., đường Nguyễn Văn C, phường An K, Quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

7. Bùi Tạ Ngọc L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số ..., đường số .., khu chung cư, Phường ..., thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

8. Bùi Thị T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Chanh T, xã Văn X, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam.

9. Phạm Thành L, sinh năm 1973;

10. Phạm Lâm Đ, sinh năm 1981;

11. Cao Văn M, sinh năm 1982;

12. Lê Thị Thu T, sinh năm 1983;

13. Phạm Thị Yên K, sinh năm 2000;

14. Phạm Thị Thùy T, sinh năm 2003;

15. Phạm Trí T1, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của Phạm Thị Thùy T, Phạm Trí T là: Phạm Lâm Đ, sinh năm 1981 và Lê Thị Thu T, sinh năm 1983 (cha, mẹ của cháu T và cháu T1);

Cùng địa chỉ: Số ..., ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

16. Phạm Thanh P, sinh năm 1939;

17. Trương Thị T, sinh năm 1941;

18. Mai Ngọc T, sinh năm 1981;

Cùng địa chỉ: Số .., ấp Tân P, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B là bị đơn.

Ông L, bà D, anh N, anh L, chị K và bà D.. có mặt tại phiên tòa. Bà D, anh N, chị K, anh L, bà D.. vắng mặt phiên tòa ngày 24/7/2020. Các đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI D VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2017, bổ sung ngày 30/6/2017 và 19/02/2019 của nguyên đơn ông Bùi Xuân L, Tạ Thị Kim D trình bày:*

Nguồn gốc đất thửa số 03, tờ bản đồ số 74 là của ông L mua của bà Bé khoảng năm 1986 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là thửa số 578 vào năm 1994, lúc cấp không đo đạc thực tế. Năm 2008, thửa đất số 03 này có tranh chấp một lần và được Tòa án nhân huyện Lai Vung, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã giải quyết tuyên xử cho hộ ông L được quyền sử dụng đất diện tích là 707m² và ông L đi đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Bùi Xuân L năm 2011 với diện tích là 618,2m². Lý do năm 2017, Tòa án xuống đo đạc thì đo tới mé sông, đo luôn phần lộ, lúc đó chưa có lộ khi cấp đổi năm 2011 thì đã có lộ. Hướng Bắc giáp với bà Nguyễn Thị B có chiều dài 30,29m, hướng Nam giáp với ông Phạm Thanh Xuân có chiều dài 31,46m, Hướng Đông giáp với bà Nguyễn Thị B chiều dài 18,06m, giáp ông Q là 3,35m, hướng Tây giáp với đường lộ đất, kênh Mương Khai, có chiều dài 18,40m. Mục đích là đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm. Liền kề với thửa đất số 03 tờ bản đồ số 74 của ông L là thửa đất số 04, tờ bản đồ số 74 theo bản đồ 299 là thửa 576, 577 tờ bản đồ số 5 của hộ Nguyễn Thị B đứng tên cùng địa chỉ tại xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Phần đất của ông L bà B trước kia là con mương, con mương này do ông L sử dụng từ trước đến nay. Hơn nữa thửa đất này trước đây tranh chấp thì Tòa án có xuống đo đạc thì hiện trạng con mương vẫn còn bà B có xác định ranh là hết con mương là của ông L. Con mương này ông L đã bơm cát vào năm 2017, bà B vẫn không có ý kiến tranh chấp. Khi bên ông L tiến hành xây dựng hàng rào thì bà B và con trai bà B ra ngăn cản không cho thi công. Bà B nói chiều ngang của gia đình ông L chỉ có 18m phần còn lại 0,4m là của bà B và bà B cho rằng chiều dài của ông L giáp bà B không tới 30,29m. Do hai bên không thống nhất nên tranh chấp. Nay ông Bùi Xuân L yêu cầu hộ bà Nguyễn Thị B và các con của bà B trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 135,1m² và ngoài ra thửa đất 03 của ông L có giáp thửa đất của ông Phạm Phú Q là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 74, trong quá trình sử dụng ông Q lấn chiếm qua phần đất ông L theo đo đạc thực tế là 6,7m². Ông L, bà D xác định

ranh giữa ông L bà D với hộ bà B, ông Q là từ các mốc M8, M7, M5, M4 theo sơ đồ đặc ngày 21/8/2019. Trong đó ranh giữa ông L và bà B là tức các mốc M8, M7, M5; của ông L với ông Q là M5, M4. Ngoài ra, ông L không yêu cầu gì khác.

Đối với các cây trồng trên phần đất tranh chấp là các cây dừa, khế ông L trồng trên 30 năm, 02 cây mít trên 10 năm. Còn nhà đang ở là xây dựng đầu năm 2016, lúc xây dựng thì bà B không tranh chấp nhà hay cây trồng gì. Các cây trồng này ông L sử dụng từ trước đến nay. Ông L thống nhất không tranh chấp cây trồng.

Còn các bụi chuối và các cây dừa nhỏ mới trồng đây là do bên bị đơn trồng vì khi vắng nhà ông L không biết.

Đối với thửa đất số 03, tờ bản đồ số 74 hộ ông L không có thể chấp.

Ông L và bà D thống nhất với sơ đồ đo đạc và định giá ngày 21/5/2019 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với Bùi Thị T là cháu kêu ông L bằng bác nhập hộ khẩu để đi học chỉ có vài năm, sau đó tách hộ khẩu về tỉnh Hà Nam, Bùi Thị T không có công sức đóng góp vào thửa đất tranh chấp nên yêu cầu không đưa Bùi Thị T vào tham gia tố tụng.

Ông L, bà D yêu cầu miễn án phí vì ông L, bà D trên 60 tuổi.

- Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo quyền cho bị đơn bà Nguyễn Thị B là ông Đỗ Đồng N trình bày:

Bà B đang sử dụng thửa đất 576, 577 cùng tờ bản đồ số 05, theo chính quy là thửa 04, tờ bản đồ số 74 nhưng chưa cấp đổi theo quy định. Liên kề với các thửa đất của bà B là thửa 03, tờ bản đồ số 74 của ông L. Nguồn gốc thửa đất của bà B là của ông bà còn thửa đất của ông L là do bà B bán cho ông L khoảng năm 1986, lúc mua bán đầu ngoài ngang chỉ bán có 18m. Thửa đất của ông L trước đây chỉ xử bằng bản án, nội D bản án bà B không rõ, bà B lúc đó chỉ tư cách là người giáp ranh. Trước đây ranh giữa bà B và ông L có con mương, con mương của bà B, bà B không có bán. Các cây trồng trên đất do bà B trồng ông L sử dụng. Nay bà B không đồng ý theo yêu cầu của ông L. Khi bên ông L cất nhà bà B không có tranh cãi do bà B già ở nhà một mình, các con thì đi làm ăn xa.

Thửa đất đang tranh chấp của bà B không có thể chấp ở đâu.

Bà B yêu cầu được miễn án phí vì bà B thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thanh P trình bày: Ông P là cha ruột ông Q, thửa đất số 13, tờ bản đồ số 74 là của ông P tặng cho ông Q. Nguồn gốc đất của ông L là của bà B bán cho ông L. Thửa đất này trước đây ông P có tranh chấp với ông L và Tòa án xử

cho bên ông L thắng kiện nhưng giấy mua bán là lúc đó bên bà B chỉ bán ngang có 18m. Giấy mua bán này hiện nay bên bà B, ông P không có giữ vì nộp cho Tòa án trước đây. Còn thửa đất số 13 của ông Q thì ông Q không có lần ranh của ông L. Nên không đồng ý theo yêu cầu của ông L. Thửa đất số 13 hiện nay không thể chấp ở đâu.

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tạ Thị Xuân L trình bày:*

Thông nhất theo yêu cầu của ông L, bà D, không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T trình bày:*

- Thông nhất theo yêu cầu của bà B không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 100/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của hộ ông Bùi Xuân L, bà Tạ Thị Kim D.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 03, tờ bản đồ số 74 của hộ ông Bùi Xuân L, bà Tạ Thị Kim D, Bùi Công L, Tạ Thị Đ, Bùi Tạ Xuân L, Bùi Tạ Xuân L, Đỗ Bùi Ngọc Như Y, Bùi Tạ Kiều D, Bùi Tạ Ngọc L với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 74 (Thửa 576, 577 cùng tờ bản đồ số 5 theo bản đồ 299) của hộ bà Nguyễn Thị B, Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Cao Văn M, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T, Phạm Thị Thùy T là đường nối từ các mốc M8, M7, M5 theo Mảnh trích đo địa chính số 40-2019 ngày 21/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 03, tờ bản đồ số 74 của hộ Bùi Xuân L, Tạ Thị Kim D, Bùi Công L, Tạ Thị Đ, Bùi Tạ Xuân L, Bùi Tạ Xuân L, Đỗ Bùi Ngọc Như Y, Bùi Tạ Kiều D, Bùi Tạ Ngọc L với thửa số 13, tờ bản đồ số 74 của ông Phạm Phú Q là đường nối từ các mốc M5, M4 theo Mảnh trích đo địa chính số 40-2019 ngày 21/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/5/2019; Mảnh trích đo địa chính số 40-2019, ngày 21/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp).

Bùi Công L, Tạ Thị Đ, Bùi Tạ Xuân L, Bùi Tạ Xuân L, Đỗ Bùi Ngọc Như Y, Bùi Tạ Kiều D, Bùi Tạ Ngọc L được tiếp tục sử dụng diện tích 135,1m² thể hiện tại các mốc M2, M3, M6, M5, M7, M8, M9, M10 quay về M2 và 6,7m² thể hiện tại các mốc M3, M4, M5, M6 quay về M3 theo Mảnh

trích đo địa chính số 40-2019, ngày 21/5/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá:

- Về án phí:

+ Hộ bà hộ bà Nguyễn Thị B, Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Cao Văn M, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T, Phạm Thị Thùy T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (do được miễn án phí theo quy định).

+ Ông Phạm Phú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

+ Hoàn trả lại cho Bùi Xuân L 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15246, ngày 11/7/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008502, ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí đo đạc, định giá:

+ Hộ bà Nguyễn Thị B, Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Cao Văn M, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T, Phạm Thị Thùy T phải liên đới hoàn trả lại cho ông Bùi Xuân L chi phí đo đạc, định giá là 4.654.500 đồng. (Do số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp).

+ Ông Phạm Phú Q phải hoàn trả lại cho ông Bùi Xuân L chi phí đo đạc, định giá là 4.654.500 đồng. (Do số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 13 tháng 12 năm 2019, bị đơn bà Nguyễn Thị B kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết theo hướng bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B trình bày, nguồn gốc đất của ông L và đất của bà B. Khi ông B, bà B chuyển nhượng đất cho ông L không có chuyển nhượng con mương, con mương thuộc quyền sử dụng đất của bà B, phần đất chuyển nhượng cho ông L chiều ngang 18m và đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bà B, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy

định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần đất của ông L, bà D thuộc thửa số 03, tờ bản đồ số 74, có nguồn gốc là của ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị B, chuyển nhượng cho ông L và bà D vào năm 1986, ông L và bà D quản lý sử dụng đến năm 1994 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. diện tích 375m², thửa 578, tờ bản đồ số 5. Trong quá trình sử dụng, năm 2008 ông Phạm Thanh B, ông Phạm Thanh X, ông Phạm Văn N và ông Phạm Thanh P tranh chấp quyền sử dụng đất với ông L và bà D. Bản án phúc thẩm số 503/2008/DS-PT ngày 13/11/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử công nhận ông L và bà D được quyền sử dụng đất diện tích 707m², thửa 578, tờ bản đồ số 5, đất tại xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp. Ông L và bà D quản lý sử dụng đến năm 2011 ông L được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 6178,2m², thửa số 03, tờ bản đồ số 74 (bản đồ chính qui tọa độ).

Tiếp giáp phần đất của ông L, bà D thửa số 03, là đất của bà Nguyễn Thị B thửa số 576, 577 (bản đồ 299) và đất của anh Phạm Phú Q diện tích 2.891,7m², thửa 13, tờ bản đồ số 74. Đất của bà B và đất anh Q có nguồn gốc là của ông, bà để lại.

Trong quá trình sử dụng xảy ra tranh chấp giữa ông L, bà D với bà B và giữa ông L, bà D với anh Phạm Phú Q.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông L, bà D với bà B và giữa ông L, bà D với anh Phạm Phú Q.

Bà B không đồng ý có đơn kháng cáo.

Về phía bà B cho rằng, vợ chồng bà có chuyển nhượng đất cho ông L, bà D, khi chuyển nhượng không có chuyển nhượng con mương tiếp giáp chiều dài và chiều ngang, con mương vẫn thuộc quyền sử dụng đất của bà B, phần đất chuyển nhượng chiều ngang 18m, chiều dài từ mé sông đến mé mương, nhưng hiện nay ông L, bà D sử dụng chiều ngang 18,4m là không đúng và chiều dài đến hết con mương sau.

Xét thấy, vào năm 2007 ông B, ông X, ông N, ông T với ông L, bà D có tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2007 thì phần đất của ông L, bà D chiều ngang mặt trước là 18,4m, chiều ngang sau giáp đất bà B (thửa 577)

là 21,4m; chiều dài giáp đất của bà B (thửa 576) là 33,2m, chiều dài giáp đất ông X, ông P (thửa 579, 582) là 34,1m, biên bản xem xét thẩm định có bà B thống nhất ký tên và theo biên bản ghi lời khai ngày 24/9/2007 bà B thừa nhận khi đo đạc có mặt bà B, ranh đất giữa đất của bà B với ông L đúng như đo đạc trước đây mà Tòa án đến đo.

Theo Mảnh trích đo địa chính ngày số 40-2019 ngày 21/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V thì phần đất của ông L, bà D chiều ngang mặt trước 18,43m, chiều ngang mặt sau 20,97m, chiều dài giáp đất bà B 27,12 m, chiều dài giáp đất ông Xuân, ông Q (Thương) là 30,34m, nếu tính cả phần lộ nông thôn, thì đất của ông L chiều dài giáp đất của bà B 31,17m, chiều dài giáp đất ông Xuân là 31,71m.

Như vậy, theo mảnh trích đo ngày 21/5/2019 thì phần đất của ông L thiếu so với biên bản thẩm định ngày 21/3/2007.

Mặt khác, trong quá trình sử dụng ông L tiến hành san lấp mương, trồng cây lâu năm như dừa, khế, mít và một phần căn nhà sau của ông L xây dựng trên phần đất tranh chấp, nhưng bà B không có ý kiến hoặc tranh chấp gì.

Án sơ thẩm xử xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông L, bà D với bà B là những đoạn thẳng nối từ các mốc M8-M7- M5 là có căn cứ.

Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, chưa phù hợp với các chứng cứ như đã phân tích, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Tỉnh là không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm, nên bà B không phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 148; khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 100/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện hộ ông Bùi Xuân L, bà Tạ Thị Kim D.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 03, tờ bản đồ số 74 của hộ ông Bùi Xuân L, bà Tạ Thị Kim D, Bùi Công L, Tạ Thị Đ, Bùi Tạ Xuân L, Bùi Tạ Xuân L, Đỗ Bùi Ngọc Như Y, Bùi Tạ Kiều D, Bùi Tạ Ngọc L với thửa đất số 04, tờ bản đồ số 74 (Thửa 576, 577 cùng tờ bản đồ số 5 theo bản đồ 299) của hộ bà Nguyễn Thị B, Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Cao Văn M, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T, Phạm Thị Thùy T là đường thẳng nối từ các mốc M8, M7, M5. theo Mảnh trích đo địa chính số 40-2019 ngày 21/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa 03, tờ bản đồ số 74 của hộ Bùi Xuân L, Tạ Thị Kim D, Bùi Công L, Tạ Thị Đ, Bùi Tạ Xuân L, Bùi Tạ Xuân L, Đỗ Bùi Ngọc Như Y, Bùi Tạ Kiều D, Bùi Tạ Ngọc L với thửa số 13, tờ bản đồ số 74 của ông Phạm Phú Q là đường thẳng nối từ các mốc M5, M4.

Các mốc trên được thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 40-2019 ngày 21/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng, sử dụng đúng ranh giới quyền sử dụng đã được xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất thì phải di dời theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá:

- Về án phí:

+ Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà B (do bà B là người cao tuổi).

+ Ông Phạm Phú Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

+ Hoàn trả lại cho Bùi Xuân L 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15246, ngày 11/7/2017 và 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008502, ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí đo đạc, định giá:

+ Hộ bà Nguyễn Thị B, Phạm Lâm Đ, Phạm Thành L, Cao Văn M, Phạm Thị Yến K, Lê Thị Thu T, Phạm Thị Thùy T phải liên đới hoàn trả lại cho ông Bùi Xuân L chi phí đo đạc, định giá là 4.654.500 đồng. (Do số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp).

+ Ông Phạm Phú Q phải hoàn trả lại cho ông Bùi Xuân L chi phí đo đạc, định giá là 4.654.500 đồng đồng. (Do số tiền này nguyên đơn đã tạm nộp).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- CCTHADS huyện Lai Vung;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng